

**CÔNG TY
CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH
FIDITOURIST**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám Đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2009	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 22

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Du lịch Tân Định Fiditourist (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình bày bản báo cáo này và các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Du lịch Tân Định Fiditourist được thành lập theo Quyết định số 4966/QĐ-UB ngày 07 tháng 10 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003065 ngày 24 tháng 01 năm 2005, và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần gần đây nhất vào ngày 05 tháng 10 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính Công ty đặt tại 127-129-12A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30.545.000.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế, môi giới vận tải, kinh doanh vận chuyển khách theo hợp đồng bằng ô tô, đại lý đối ngoại tệ, kinh doanh lưu trú du lịch, đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa, tàu thủy, cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà làm việc, dịch vụ quảng cáo, dịch vụ môi giới bất động sản, kinh doanh vũ trường và massage, thiết kế tạo mẫu, kinh doanh nhà ở, quản lý dự án công trình công nghiệp, dân dụng, dịch vụ tư vấn bất động sản (trừ dịch vụ mang tính pháp lý), tư vấn du học, đào tạo dạy nghề, đại lý bảo hiểm, đại lý vận chuyển hàng hóa, mua bán mỹ phẩm, dịch vụ chăm sóc da (trừ các hoạt động dịch vụ gây chảy máu, xông hơi, xoa bóp).

2. Thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Việt Hùng	Chủ tịch
Ông Lê Văn An	Phó Chủ tịch
Ông Đoàn Thiện Tánh	Ủy viên
Ông Đặng Trung Nghĩa	Ủy viên
Ông Bùi Tấn Tài	Ủy viên
Ông Huỳnh Bá Lân	Ủy viên
Bà Thái Diệu Hà	Ủy viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Việt Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Thiện Tánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Trung Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

3. Tình hình kinh doanh năm 2009

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2009 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VIỆT HÙNG

Số: 10.161 /BCKT-DTL.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Du lịch Tân Định Fiditourist (dưới đây gọi tắt là Công ty). Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Tân Định Fiditourist vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN VIÊN

ĐẶNG XUÂN CẢNH
Chứng chỉ KTV số Đ.0076/KTV

ĐẶNG THỊ HỒNG LOAN
Chứng chỉ KTV số 0425/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		86.569.494.140	74.757.761.826
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	32.865.689.892	16.927.520.611
1. Tiền	111		13.365.689.892	16.927.520.611
2. Các khoản tương đương tiền	112		19.500.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	(5.2)	10.046.062.000	24.043.992.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		10.212.694.862	24.210.624.862
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(166.632.862)	(166.632.862)
III. Các khoản phải thu	130	(5.3)	17.137.601.109	13.705.800.269
1. Phải thu khách hàng	131		14.026.318.471	11.784.623.040
2. Trả trước cho người bán	132		2.014.379.546	1.494.343.293
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		1.096.903.092	426.833.936
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	(5.4)	16.965.994.877	10.546.857.498
1. Hàng tồn kho	141		16.965.994.877	10.546.857.498
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.554.146.262	9.533.591.448
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		432.097.269	951.414.174
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	242.276.894
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.5)	9.122.048.993	8.339.900.380

(Phần tiếp theo ở trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19.856.533.602	21.566.876.051
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		39.500.000	53.400.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		39.500.000	53.400.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		15.253.699.935	17.236.653.147
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.6)	15.090.595.371	17.044.653.592
+ Nguyên giá	222		40.132.903.974	39.266.145.797
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.042.308.603)	(22.221.492.205)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	(5.7)	78.363.005	103.167.919
+ Nguyên giá	228		205.607.544	205.607.544
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(127.244.539)	(102.439.625)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		84.741.559	88.831.636
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.8)	2.229.720.000	1.958.100.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		2.229.720.000	1.958.100.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.333.613.667	2.318.722.904
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.946.439.267	1.891.548.504
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		387.174.400	427.174.400
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		106.426.027.742	96.324.637.877

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		52.169.941.670	43.111.634.613
I. Nợ ngắn hạn	310		50.919.606.260	41.921.102.485
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.9)	545.000.000	545.000.000
2. Phải trả người bán	312		3.299.211.371	4.091.350.844
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.10)	27.319.705.126	23.703.774.511
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.11)	1.890.841.978	676.372.282
5. Phải trả người lao động	315		1.677.063.918	3.804.510.843
6. Chi phí phải trả	316		756.610.961	245.631.970
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	(5.12)	15.431.172.906	8.854.462.035
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.250.335.410	1.190.532.128
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	(5.13)	1.250.335.410	1.190.532.128
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	(5.14)	54.256.086.072	53.213.003.264
I. Vốn chủ sở hữu	410		53.596.356.917	52.314.168.095
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.545.000.000	30.545.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.026.050.568	4.041.302.530
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.303.148.877	1.005.708.093
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		16.722.157.472	16.722.157.472
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		659.729.155	898.835.169
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		659.729.155	898.835.169
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		106.426.027.742	96.324.637.877

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ		-	-
+ USD		33.278,66	-
+ EUR		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 1 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ THỊ HOÀNG HÀ

NGUYỄN VIỆT HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(6.1)	306.066.486.018	415.691.965.107
2. Các khoản giảm trừ	02	(6.1)	553.551.970	526.514.350
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	305.512.934.048	415.165.450.757
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	284.872.114.195	359.735.840.969
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.640.819.853	55.429.609.788
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	3.419.622.916	5.567.914.882
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	275.173.632	1.243.788.597
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>55.590.000</i>	<i>988.043.334</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-	2.784.411.110
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	16.175.958.808	16.741.836.483
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.609.310.329	40.227.488.480
11. Thu nhập khác	31		1.999.597.259	1.647.914.481
12. Chi phí khác	32		312.766.055	42.249.132
13. Lợi nhuận khác	40		1.686.831.204	1.605.665.349
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.296.141.533	41.833.153.829
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.6)	1.549.170.163	12.124.029.076
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.746.971.370	29.709.124.753
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		25.362	97.263

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 1 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ THỊ HOÀNG HÀ

NGUYỄN VIỆT HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.296.141.533	41.833.153.829
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		3.163.021.706	3.192.501.536
Các khoản dự phòng	03		-	166.632.862
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.088.291.514)	(40.627.923.163)
Chi phí lãi vay	06		55.590.000	988.043.334
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		9.426.461.725	5.552.408.398
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.957.772.559)	(5.596.753.922)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6.419.137.379)	672.631.881
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		7.740.870.448	(5.291.948.383)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		468.516.219	1.189.475.866
Tiền lãi vay đã trả	13		(55.590.000)	(988.043.334)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(291.536.836)	(12.128.287.307)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		458.759.264	446.330.818
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.564.744.544)	(1.702.328.024)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		5.805.826.338	(17.846.514.007)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.376.466.222)	(4.709.868.434)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		335.483.935	110.533.052.954
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		13.997.930.000	(24.020.933.400)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(271.620.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.945.115.230	5.564.981.549
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		15.630.442.943	87.367.232.669

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(62.500.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.498.100.000)	(9.163.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.498.100.000)	(71.663.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		15.938.169.281	(2.142.781.338)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		16.927.520.611	19.070.301.949
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		32.865.689.892	16.927.520.611

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 1 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ THỊ HOÀNG HÀ

NGUYỄN VIỆT HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du Lịch Tân Định Fiditourist (dưới đây gọi tắt là Công ty)) được thành lập theo Quyết định số 4966/QĐ-UB ngày 07 tháng 10 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003065 ngày 24 tháng 01 năm 2005, và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần gần đây nhất vào ngày 05 tháng 10 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính Công ty đặt tại 127-129-12A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30.545.000.000 đồng.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế. Môi giới vận tải. Kinh doanh vận chuyển khách theo hợp đồng bằng ô tô. Đại lý đổi ngoại tệ. Kinh doanh lưu trú du lịch: khách sạn. Kinh doanh nhà hàng. Karaoke. Mua bán rượu, thuốc lá điều sản xuất trong nước. Đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa, tàu thủy. Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà làm việc. Dịch vụ quảng cáo. Dịch vụ môi giới bất động sản. Kinh doanh vũ trường và massage. Thiết kế tạo mẫu. Kinh doanh nhà ở. Quản lý dự án công trình công nghiệp, dân dụng. Dịch vụ tư vấn bất động sản (trừ dịch vụ mang tính pháp lý). Tư vấn du học. Đào tạo dạy nghề. Đại lý bảo hiểm. Đại lý vận chuyển hàng hóa. Mua bán mỹ phẩm. Dịch vụ chăm sóc da (trừ các hoạt động dịch vụ gây chảy máu, xông hơi, xoa bóp).

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	5-25 năm
+ Máy móc thiết bị	4-12 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	5-12 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	4-12 năm
+ Phần mềm máy tính	2-4 năm

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.6. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.7. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
 - Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế
- + Quỹ đầu tư phát triển được trích với tỷ lệ 15% lợi nhuận sau thuế sau khi trừ cổ tức.
- + Quỹ dự phòng tài chính được trích với tỷ lệ 20% lợi nhuận sau thuế sau khi trừ cổ tức
- + Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích với tỷ lệ 65% lợi nhuận sau thuế sau khi trừ cổ tức.

4.9. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành; chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003065 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 01 năm 2005 thì Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi (năm 2005 đến năm 2006) và được giảm 50% trong 3 năm tiếp theo (năm 2007 đến năm 2009).
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	5.481.270.572	3.384.967.844
Tiền gửi ngân hàng	7.884.419.320	13.542.552.767
Các khoản tương đương tiền	19.500.000.000	-
Tổng cộng	32.865.689.892	16.927.520.611

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	212.694.862	210.624.862
Tiền gửi có kỳ hạn	10.000.000.000	24.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(166.632.862)	(166.632.862)
Tổng cộng	10.046.062.000	24.043.992.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	14.026.318.471	11.784.623.040
Trả trước người bán	2.014.379.546	1.494.343.293
Phải thu khác	1.096.903.092	426.833.936
Cộng	17.137.601.109	13.705.800.269

Phải thu khách hàng bao gồm:

	Cuối năm	Đầu năm
Khách hàng mua vé máy bay	9.124.319.454	5.780.900.051
Khách hàng mua vé tour	4.567.490.469	4.862.309.764
Các khách hàng khác	334.508.548	1.141.413.225
Cộng	14.026.318.471	11.784.623.040

5.4. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	54.837.222	48.784.325
Công cụ, dụng cụ	26.592.450	83.982.450
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.697.534.057	10.310.107.746
Hàng hoá	187.031.148	103.982.977
Giá trị thuần có thể thực hiện	16.965.994.877	10.546.857.498

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chủ yếu chi phí các tour đã thực hiện trong năm 2009 nhưng chưa quyết toán là 16.477.262.962 đồng.

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

Chủ yếu là khoản tạm ứng cho hướng dẫn viên du lịch để thực hiện tour.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

ĐVT: ngàn đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	23.750.387	5.827.479	6.921.257	2.767.023	39.266.146
Mua trong năm	-	561.827	753.697	60.942	1.376.466
Thanh lý	-	72.257	437.451	-	509.708
Số dư cuối năm	23.750.387	6.317.049	7.237.503	2.827.965	40.132.904

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	14.365.560	3.858.947	2.512.667	1.484.318	22.221.492
Khấu hao trong năm	1.740.501	382.895	764.976	249.846	3.138.217
Thanh lý	-	72.257	245.144	-	317.400
Số dư cuối năm	16.106.061	4.169.584	3.032.499	1.734.164	25.042.309

Giá trị còn lại

Tại ngày đầu năm	9.384.827	1.968.533	4.408.590	1.282.704	17.044.654
Tại ngày cuối năm	7.644.326	2.147.465	4.205.004	1.093.801	15.090.595

5.7. Tài sản cố định vô hình

ĐVT: ngàn đồng

Khoản mục	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
Nguyên giá	205.608		-	205.608
Khấu hao lũy kế	102.440	24.805	-	127.245
Giá trị còn lại	103.168	-	-	78.363

5.8. Đầu tư dài hạn khác

Cuối năm

Đầu năm

Đầu tư cổ phiếu của các đơn vị sau:

Công ty Cổ phần du lịch Bình Châu	1.629.720.000	1.358.100.000
Công ty Cổ phần Sài Gòn Sông Cầu	200.000.000	200.000.000
Công ty Cổ phần du lịch và thương mại DIC	400.000.000	400.000.000
Cộng	2.229.720.000	1.958.100.000

5.9. Vay ngắn hạn

Là khoản vay ngắn hạn của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 1 với lãi suất cho vay là 0,85% và không được đảm bảo.

5.10. Người mua trả tiền trước

Cuối năm

Đầu năm

Khách hàng ứng trước tiền tour năm nay	17.051.438.491	16.928.403.329
Khách hàng ứng trước tiền tour năm sau	9.270.641.467	5.980.962.933
Khác	997.625.168	794.408.249
Cộng	27.319.705.126	23.703.774.511

Khách hàng ứng trước tiền tour du lịch năm nay là doanh thu các tour du lịch trong năm đã hoàn thành nhưng chưa xuất hóa đơn cho khách hàng để ghi nhận doanh thu do chưa tập hợp đủ chi phí để ghi nhận giá vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế GTGT	189.887.273	418.402.997
Thuế tiêu thụ đặc biệt	6.136.460	9.681.767
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.549.170.164	248.287.518
Thuế thu nhập cá nhân	145.648.081	-
Tổng cộng	1.890.841.978	676.372.282

5.12. Phải trả, phải nộp khác

	Cuối năm	Đầu năm
KPCĐ, BHXH, BHYT	666.513.291	326.495.367
Doanh thu các tour du lịch chưa quyết toán	13.765.634.047	6.665.260.163
Doanh thu nhận trước khác	-	167.634.494
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	30.000
Thù lao HĐQT và BKS	-	732.900.000
Phải trả khác	999.025.568	962.142.011
Tổng cộng	15.431.172.906	8.854.462.035

Doanh thu các tour du lịch chưa quyết toán là doanh thu các tour du lịch đã hoàn thành và đã xuất hóa đơn cho khách hàng do chưa tập hợp đủ chi phí để ghi nhận giá vốn, do đó chưa ghi nhận doanh thu trong kỳ này.

5.13. Phải trả dài hạn khác

Chủ yếu là khoản nhận ký quỹ cho thuê văn phòng, mặt bằng.

(Phần tiếp theo ở trang 18)

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.14. Vốn chủ sở hữu

5.14.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

ĐVT: triệu đồng

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	<u>30.545</u>	<u>1.944</u>	<u>431</u>	<u>539</u>	<u>-</u>	<u>33.459</u>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	29.709	29.709
Trích quỹ trong năm trước	-	2.097	575	1.150	(3.823)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(9.164)	(9.164)
Giảm khác	-	-	-	(790)	-	(790)
Số dư đầu năm nay	<u>30.545</u>	<u>4.041</u>	<u>1.006</u>	<u>899</u>	<u>16.722</u>	<u>53.213</u>
Tăng vốn năm nay	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	7.747	7.747
Trích quỹ trong năm nay	-	985	297	967	(2.249)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(5.498)	(5.498)
Giảm khác	-	-	-	(1.206)	-	(1.206)
Số dư cuối năm nay	<u>30.545</u>	<u>5.026</u>	<u>1.303</u>	<u>660</u>	<u>16.722</u>	<u>54.256</u>

5.14.2. Chi tiết vốn góp của các cổ đông

	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	6.000.000.000	6.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	24.545.000.000	24.545.000.000
Tổng cộng	<u>30.545.000.000</u>	<u>30.545.000.000</u>

(Phần tiếp theo ở trang 19)

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.14.3. Lợi nhuận chưa phân phối

	Cuối năm	Đầu năm
Tại thời điểm đầu năm	16.722.157.472	-
Lợi nhuận sau thuế trong năm	7.746.971.370	29.709.124.753
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	984.748.038	2.097.756.783
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	297.440.784	575.236.833
Trích lập Quỹ khen thưởng	966.682.548	1.150.473.665
Chia cổ tức	5.498.100.000	9.163.500.000
Tại thời điểm cuối năm	16.722.157.472	16.722.157.472

5.14.4. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông sau ngày kết thúc niên độ	5.498.100.000	9.163.500.000

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán năm nay với tỷ lệ là 18% trên một cổ phần của Công ty.

5.14.5. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	305.450	305.450
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	305.450	305.450

5.14.6. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	7.746.971.370	29.875.757.615
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	305.450	305.450
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	25.362	97.263

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ khách sạn	8.970.469.190	9.532.625.329
Doanh thu cung cấp dịch vụ ăn uống	10.851.985.475	11.554.883.752
Doanh thu cung cấp dịch vụ hướng dẫn du lịch	226.395.324.225	203.409.599.781
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển	4.370.051.556	2.461.192.934
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	55.478.655.571	188.733.663.311
Hàng bán bị trả lại	(320.951.353)	(242.464.425)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(232.600.616)	(284.049.925)
Doanh thu thuần	305.512.934.048	415.165.450.757

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ khách sạn	3.267.463.025	2.902.537.400
Giá vốn của dịch vụ ăn uống	8.126.171.182	8.179.985.121
Giá vốn của dịch vụ hướng dẫn du lịch	212.394.710.551	193.569.148.097
Giá vốn của dịch vụ vận chuyển	3.673.058.810	1.890.772.615
Giá vốn của dịch vụ khác	49.033.630.592	145.289.244.390
Giá vốn kinh doanh chi phí chung	8.377.080.035	7.904.153.346
Tổng cộng	284.872.114.195	359.735.840.969

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	2.945.115.230	5.461.960.372
Cổ tức	173.249.000	54.795.366
Lãi do thu đổi ngoại tệ	300.466.497	51.159.144
Khác	792.189	
Tổng cộng	3.419.622.916	5.567.914.882

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	55.590.000	988.043.334
Lỗ do thu đổi ngoại tệ	219.583.632	86.179.068
Chi phí đầu tư tài chính	-	2.933.333
Chi phí dự phòng tài chính	-	166.632.862
Tổng cộng	275.173.632	1.243.788.597

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	9.483.249.698	8.396.892.043
Chi phí đồ dùng văn phòng	442.718.017	305.880.485
Chi phí khấu hao	242.773.025	207.702.795
Chi phí dịch vụ mua ngoài	97.675.037	72.628.836
Chi phí khác	5.909.543.031	7.758.732.324
Tổng cộng	16.175.958.808	16.741.836.483

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế với thuế suất 25%	1.523.334.899	11.715.478.861
Thuế lũy tiến từ bán nhà 16 Trương Định	-	1.355.833.332
Chi phí thuế TNDN của khoản thu nhập khác với thuế suất 25%	787.502.714	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50% bổ sung quỹ đầu tư phát triển	(761.667.450)	(947.283.117)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.549.170.163	12.124.029.076

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Lương Ban Giám đốc và Thù lao Hội đồng Quản trị:

	Năm nay	Năm trước
Lương của Ban Giám đốc	691.200.000	687.408.100
Thù lao Hội đồng Quản trị	90.920.000	589.000.000
Tổng cộng	782.120.000	1.276.408.100

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

8. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc niên độ đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

9. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 26 tháng 01 năm 2010.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ THỊ HOÀNG HÀ

NGUYỄN VIỆT HÙNG